

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-4-2022

Về việc: “Ly hôn, nuôi con chung,
chia tài sản chung và cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Huy

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Ngọc Hương

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2020, về: “Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung và cấp dưỡng nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Mỹ C, sinh năm: 1978

Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1985

Địa chỉ: 18 Nguyễn Lương Bằng, tổ dân phố T, phường P, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Là Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Phan Xuân T, sinh năm: 1974

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm: 1964

Địa chỉ: 227 Sơn Thủy, phường P, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa.

Là Luật sư Văn phòng Luật sư Văn S thuộc đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Ngô Thị Mỹ C trình bày: Bà và ông T tìm hiểu nhau được một năm và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2005-06, cấp ngày 20/01/2006. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 10/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân vợ chồng không hợp tính tình, không tôn trọng nhau, không thể chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 11/2020 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Xuân T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Châu Như N, sinh ngày 26/4/2008 và Phan Châu Hoàng M, sinh ngày 16/12/2016. Hiện nay cả 02 con chung do bà trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà yêu cầu nuôi cả 02 con chung và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng 02 con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng, bình quân mỗi cháu mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, bà có tạo lập một căn nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất số 24, tờ bản đồ số 15 tại tổ dân phố H, phường L, thành phố C và một số tài sản là vật dụng trong nhà. Bà không tranh chấp đất mà chỉ yêu cầu ông T phải trả cho bà toàn bộ giá trị nhà ở và toàn bộ giá trị tài sản là vật dụng trong nhà cho bà vì toàn bộ tài sản trên do một mình bà tôn tạo nên, ông T không có đóng góp tiền bạc hay công sức gì.

Về nợ chung: Bà C xác định hiện nay vợ chồng không nợ chung.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Xuân T trình bày: Về quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân đúng như bà C đã trình bày. Trong quá trình chung sống thì đến tháng 10/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 11/2020 đến nay. Nay bà C yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Đúng như bà C trình bày. Ông yêu cầu giao cháu Phan Châu Như N và cháu Phan Châu Hoàng M cho bà C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa ông không đồng ý mức cấp dưỡng nguyên đơn yêu cầu, ông yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, bình quân mỗi cháu mỗi tháng 750.000 đồng kể từ bản án sơ thẩm có hiệu lực cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có tạo lập một căn nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất số 24, tờ bản đồ số 15 tại tổ dân phố H, phường L, thành phố C đứng tên ông sử dụng và một số tài sản là vật dụng gồm 35 món trong nhà. Đối với quyền sử dụng đất ông cho rằng đây là tài sản riêng nên không tranh chấp. Ông yêu cầu chia đôi tổng giá trị nhà, ông nhận nhà, bà C nhận giá trị. Về vật dụng đối với 01 tủ bếp treo tường, 01 kệ bếp, 01 bếp ga âm hiệu Rinnai, 02 kệ rượu, 01 tủ âm tường, 01 bồn nước Inox hiệu Tân Thành vì tài sản này không thể tháo dỡ, nếu tháo dỡ sẽ mất đi giá trị hoặc giảm hiệu năng sử dụng nên ông yêu cầu nhận tài sản này, bà C nhận vật dụng khác còn lại và mỗi bên hoàn một nửa tổng giá trị tài sản cho nhau.

Về nợ chung: Ông T xác định vợ chồng không nợ chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa bà C và ông T.

Về con chung: Đề nghị chấp yêu cầu của nguyên đơn về việc bà C được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung, vì ông T nhận nhà có giá trị cao nên yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng, bình quân mỗi cháu 5.000.000đồng/cháu/tháng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Đề nghị giao toàn bộ tài sản nhà và vật dụng cho ông T và hoàn lại toàn bộ giá trị tài sản cho bà C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa bà C và ông T.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông T về việc giao 02 con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng, đề nghị chấp nhận mức cấp dưỡng của ông T cho 02 con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, bình quân mỗi cháu 750.000 đồng/tháng kể từ khi bản án sơ thẩm có hiệu lực cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi trên cơ sở mức lương tối thiểu vùng và mức lương hiện nay của ông T.

Về tài sản chung: Đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 24, tờ bản đồ số 15 tại tổ dân phố H, phường L, thành phố C, đây là tài sản riêng của ông T, không tranh chấp nên không xét.

Đối với tài sản là căn nhà và vật dụng: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Trong quá trình chung sống ông T có đóng góp tiền và công sức mua sắm và sửa chữa xây dựng nhà vào các năm 2016 và 2019 là của chồng công vợ nên đây là tài sản chung vợ chồng. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông T chia đôi giá trị tài sản chung trên, những vật dụng gồm 01 tủ bếp treo tường, 01 kệ bếp, 01 bếp ga âm hiệu Rinnai, 01 bồn nước Inox hiệu Tân Thành, 02 kệ rượu, 01 tủ âm tường ông T nhận và bà C nhận vật dụng khác còn lại và mỗi bên hoàn một nửa tổng giá trị tài sản cho nhau.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị Mỹ C về yêu cầu ly hôn ông Phan Xuân T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung.

Về mức cấp dưỡng: Chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng của ông Phan Xuân T.

Về tài sản chung: Đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 24, tờ bản đồ số 15 tại tổ dân phố H, phường L, thành phố C các đương sự thừa nhận, không tranh chấp nên không xem xét.

Đối với tài sản nhà và vật dụng: Xác định đây là tài sản chung vợ chồng. Đề nghị bà C được hưởng 2/3 giá trị, ông T được hưởng 1/3 giá trị, ông T nhận nhà và các vật dụng, hoàn lại cho bà C 2/3 giá trị.

Về án phí và chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu chi phí và án phí theo giá trị được hưởng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Ngô Thị Mỹ C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[1.2] Bà Ngô Thị Mỹ C yêu cầu ly hôn, con chung, chia tài sản chung với ông Phan Xuân T. Ông T yêu cầu chia tài sản chung với bà C. Yêu cầu của bà C, ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà C và ông T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2005-06, cấp ngày 20/01/2006. Do đó, hôn nhân giữa bà C và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng về sau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc thiếu trách nhiệm vun đắp gia đình, vợ chồng không hợp tính tình, không tôn trọng nhau, không thể chia sẻ với nhau và vợ chồng không còn chung sống với nhau. Bà C xác định tình cảm hiện nay với ông T không còn nữa nên yêu cầu được ly hôn. Ông T cũng đồng ý

ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà C yêu cầu được ly hôn ông T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Châu Như N, sinh ngày 26/4/2008 và Phan Châu Hoàng M, sinh ngày 16/12/2016. Hiện nay cả 02 con chung do bà trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà C yêu cầu nuôi cả 02 con chung và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng 02 con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng, bình quân mỗi cháu mỗi tháng 5.000.000 đồng. Ông T đồng ý giao hai con chung cho bà C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông T yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, bình quân mỗi cháu mỗi tháng 750.000 đồng.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Cháu Phan Châu Như N có nguyện vọng được sống cùng bà C. Riêng cháu Phan Châu Hoàng M còn nhỏ, cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ, hiện nay cả hai cháu đang sinh sống cùng bà C. Việc giao cả hai con chung cho bà C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo điều kiện cho 2 cháu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Căn cứ vào mức thu nhập của ông T và yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn và bị đơn. Xét mức cấp dưỡng của ông T cho 02 con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, bình quân mỗi con mỗi tháng là 750.000 đồng là phù hợp. Để đảm bảo quyền lợi của con, Hội đồng xét xử quyết định thời gian cấp dưỡng nuôi 02 con chung kể từ tháng 5/2022 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản thể hiện:

- Một căn nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất số 24, tờ bản đồ số 15 tại tổ dân phố H, phường L, thành phố C gồm nhà 02 tầng (ký hiệu là b2) và nhà 01 tầng (ký hiệu là g), có tường rào mặt trước, tường rào mặt bên và chái mái tôn, tổng giá trị là 458.903.813 đồng.

- Tài sản vật dụng gồm có: 03 tủ quần áo, 01 tivi LG, 01 tủ lạnh LG, 01 tủ bếp treo tường, 01 kệ bếp, 01 máy hút khói hiệu Rinnai, 01 bếp ga âm hiệu Rinnai, 02 kệ rượu, 01 tủ giày, 03 giường gỗ, 01 kết sắt hiệu Việt Tiệp, 01 bộ bàn ghế, 01 tủ âm tường, 01 đồng hồ treo tường, 01 nồi cơm điện hiệu Sharp, 01 máy xay thịt hiệu Pensonic, 01 máy lọc nước hiệu Hyundai, 01 máy giặt Hitachi, 02 quạt treo tường, 01 tủ thờ, 01 tivi Sony Bravia, 05 tranh thêu, 01 máy điều hòa Panasonic, 01 bồn nước Inox hiệu Tân Thành, 01 máy nước nóng năng lượng mặt trời. Tổng giá trị là 85.195.000 đồng.

Đối với tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 15 tại tổ

dân phố H, phường L, thành phố C đã được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 877727 cấp ngày 07/4/2016 cho ông Phan Xuân T, bà C thừa nhận và không tranh chấp nên đây là tài sản riêng của ông Phan Xuân T.

Đối với tài sản là căn nhà cấp 4 và vật dụng trong nhà, Hội đồng xét xử xét thấy nguồn gốc của căn nhà và tài sản là vật dụng được hình thành, tạo lập từ thời điểm vợ chồng chung sống với nhau nên đây là tài sản chung, từ khi vợ chồng ly thân ông T là người quản lý và sử dụng, đồng thời xét công sức đóng góp tạo lập và thu nhập mỗi bên trong thời kỳ hôn nhân nhằm để đảm bảo nhu cầu của gia đình, có tính đến việc bảo vệ quyền lợi cho bà C và 02 con chung chưa thành niên. Căn cứ vào Điều 33, Điều 38 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, tòa án phân chia tài sản chung theo tỷ lệ 6:4, bà C nhận 6 phần, ông T nhận 4 phần. Ông T nhận toàn bộ tài sản nhà và vật dụng, hoàn lại cho bà C 6/10 giá trị tài sản, cụ thể: $(458.903.813 \text{ đồng} + 85.195.000) \times 6/10 = 326.459.288 \text{ đồng}$.

[2.4] Về nợ chung: Bà C, ông T xác định không có nợ chung nên không xét.

[2.5] Về chi phí tố tụng: Bà C đã nộp 1.700.000 đồng, ông T đã nộp 6.500.000 đồng. Tổng chi phí tố tụng là 8.200.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, bà C phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với tỷ lệ tài sản được chia là 4.920.000 đồng, ông T phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với tỷ lệ tài sản được chia là 3.280.000 đồng. Như vậy bà C phải hoàn trả cho ông T 3.220.000 đồng tiền chi phí tố tụng.

[2.6] Về án phí: Bà Ngô Thị Mỹ C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Ông Phan Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 38, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Ngô Thị Mỹ C được ly hôn ông Phan Xuân T.
2. *Về con chung:* Giao cho bà C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Châu Như N, sinh ngày 26/4/2008 và Phan Châu Hoàng M, sinh ngày 16/12/2016.
3. *Về cấp dưỡng:* Ông Phan Xuân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung

mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), bình quân mỗi con mỗi tháng là 750.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi 02 con chung kể từ tháng 5/2022 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

* Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà Ngô Thị Mỹ C và ông Phan Xuân T hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

4. *Về tài sản chung*: Ông T nhận toàn bộ tài sản nhà và vật dụng (Kèm theo sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH dịch vụ địa chính Đại Cát Việt đo đạc). Ông T hoàn lại cho bà C 326.459.288 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn hai trăm tám mươi tám đồng).

5. *Về án phí*: Bà Ngô Thị Mỹ C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0001020 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Bà Ngô Thị Mỹ C đã nộp đủ.

Bà Ngô Thị Mỹ C phải nộp 16.322.964 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp là 2.142.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0006839 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Như vậy bà Ngô Thị Mỹ C còn phải nộp 14.180.964 đồng (Mười bốn triệu một trăm tám mươi nghìn chín trăm sáu mươi bốn đồng).

Ông Phan Xuân T phải nộp 10.881.976 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 7.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0001162 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Như vậy ông Phan Xuân T còn phải nộp 3.381.976 đồng (Ba triệu ba trăm tám mươi một nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng).

Ông Phan Xuân T còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

6. *Về chi phí tố tụng*: Bà C phải hoàn trả cho ông T 3.220.000 đồng (Ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng.

7. *Quy định chung*:

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. *Về quyền kháng cáo:* Ông Phan Xuân T Châu có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Ngô Thị Mỹ C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND phường L
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Huy